

# HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ GIẢI MẬT TÀI LIỆU LƯU TRỮ

*FINALIZING REGULATIONS ON DECLASSIFICATION OF RECORDS*

*NGUYỄN THỊ LY(\*) và NGUYỄN DUY VINH(\*\*)*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 21-02-2023            Ngày biên tập xong: 25-3-2023            Ngày duyệt đăng: 20-7-2023            Mã số: TCKH39-04-2023            ISSN: 2525 – 2429</p> <p><b>Từ khóa:</b> Bí mật Nhà nước; giải mật; giải mật tài liệu lưu trữ.</p> <p><b>Key words:</b> State secrets; declassification; declassification of records.</p>	<p><i>Giải mật tài liệu lưu trữ là một nhiệm vụ cấp thiết của các cơ quan lưu trữ để phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; giúp cơ quan, tổ chức và cá nhân được tiếp cận rộng rãi thông tin từ tài liệu lưu trữ. Hiện nay, công tác giải mật tài liệu lưu trữ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ năm 2011, Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước năm 2018 và các văn bản dưới luật. Quy định của pháp luật hiện hành đã bộc lộ nhiều hạn chế, chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để phát huy giá trị tài liệu lưu trữ. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đánh giá thực trạng và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giải mật, giải mật tài liệu lưu trữ.</i></p> <p><b>ABSTRACT:</b> <i>Declassification of records is an urgent task of Archival Institutions to improve declassification of records so that agencies, organizations and individuals can widely access information from declassification. Currently, declassification of records is carried out in accordance with the provisions of Law on Archives 2011, Law on Protection of State Secrets 2018 and sub-law documents. The current regulations reveal many limitations and have not created an adequate legal basis to improve declassification of records. Within the scope of this article, we assesses current situation and proposes recommendations to finalize regulations on declassification and declassification of records.</i></p>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam hiện đang hội nhập quốc tế sâu rộng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan Nhà nước. Các cơ quan lưu trữ đang bảo quản nhiều tài liệu có độ mật khác nhau. Những tài liệu này chứa đựng các thông tin vô cùng quý giá về quan điểm, đường lối,

chủ trương của Đảng và hoạt động của Nhà nước trên nhiều lĩnh vực như: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, ngoại giao... Nhiều tài liệu không còn mật nhưng chưa được giải mật làm hạn chế khả năng tiếp cận thông tin tài liệu lưu trữ.

Giải mật bí mật Nhà nước và giải mật tài liệu lưu trữ được quy định tại Luật Bảo vệ Bí

(\*)TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(\*\*)ThS. Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, ndvinh@hcmca.edu.vn

mật Nhà nước năm 2018 và Luật Lưu trữ năm 2011. Quy định về giải mật và giải mật tài liệu lưu trữ còn có nội dung chưa đồng bộ, thống nhất, Luật Lưu trữ năm 2011 chưa có quy định cụ thể về giải mật tài liệu lưu trữ, gây khó khăn cho các cơ quan lưu trữ khi triển khai trên thực tiễn. Việc nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật về giải mật tài liệu lưu trữ là một nhiệm vụ cấp thiết để phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, giúp cơ quan, tổ chức và cá nhân được tiếp cận rộng rãi thông tin từ tài liệu lưu trữ.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Khái quát chung về giải mật và giải mật tài liệu lưu trữ

Theo Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước: *“Bí mật Nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc”* [3]. Cụ thể, bí mật Nhà nước là những thông tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố, và nếu bí tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước [4, tr.12]. Bảo vệ bí mật Nhà nước là quy luật tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, mỗi cơ quan, tổ chức. Đây là nhiệm vụ quan trọng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia được Đảng, Nhà nước rất quan tâm. Đầu những năm 1950, Chủ tịch nước đã ban hành Sắc lệnh 154/SL ngày 17-11-1950 quy định những hình phạt, trừng trị việc tiết lộ bí mật cơ quan hay công tác của Chính phủ; Sắc lệnh số 69/SL ngày 10-12-1951 về giữ bí mật Quốc gia. Khoản 1 Điều 22 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước quy định: *“Giải mật là xóa bỏ độ mật của bí mật nhà nước”* [3]. Từ 2 khái niệm nêu trên, có thể hiểu *Giải mật tài liệu* là xóa bỏ độ mật của bí mật Nhà nước được xác định trên tài liệu với

các mức độ: Tuyệt mật; Tối mật; Mật, theo quy định của pháp luật. Giải mật nói chung và giải mật tài liệu lưu trữ gắn liền với công tác bảo vệ bí mật Nhà nước.

Việc tăng cường giải mật tài liệu lưu trữ để phục vụ việc khai thác tài liệu rộng rãi của công chúng, hướng tới các mục đích: 1) Cung cấp thông tin đầy đủ, chính thức về các sự kiện, vụ việc, nhân vật được nhiều người quan tâm có trong tài liệu lưu trữ mật bởi nếu thông tin chính thức không được công bố thì sẽ có những thông tin không chính thức, thông tin xuyên tạc về sự kiện đó từ tài liệu nước ngoài hoặc tài liệu loại hai, loại ba mà không phải loại gốc và người nghiên cứu cũng không có quan điểm nổi bật, thiếu sự hấp dẫn, không tái tạo lịch sử như cái đích mà nó có; 2) giảm bớt những tài liệu đóng dấu mật nhưng nội dung không còn mật hoặc giảm độ mật trong kho lưu trữ để tạo điều kiện cho việc quản lý tài liệu thật sự mật [5, tr.22].

Trong thời gian qua, việc khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ đã có những đóng góp tích cực đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức và công dân. Do nhiều thông tin có giá trị trong tài liệu lưu trữ chưa được giải mật nên việc khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ để phục vụ nhu cầu chính đáng của xã hội còn nhiều hạn chế. Việc chia sẻ và cung cấp thông tin cho xã hội vừa là cơ hội, vừa là thách thức lớn đối với cơ quan lưu trữ trong việc bảo mật thông tin từ tài liệu lưu trữ. Nhiều tài liệu đang bảo quản trong cơ quan lưu trữ thuộc diện hạn chế sử dụng nhưng khi cần vẫn phải cung cấp để thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mặt khác, nhiều tài liệu đã hết độ mật, cần được giải mật để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin chính đáng của xã hội, tránh việc hiểu sai hoặc xuyên tạc sự việc, sự kiện không có thông tin chính thức lại chưa được giải mật, việc tiến hành giải mật tài liệu lưu trữ là hết sức cần thiết.

### 2.2. Quy định của pháp luật về giải mật và giải mật tài liệu lưu trữ

### 2.2.1. Quy định về giải mật bí mật Nhà nước

*Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước:* Khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước quy định: Thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước là khoảng thời gian tính từ ngày xác định độ mật của bí mật Nhà nước đến hết thời hạn: 30 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật; 20 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tối mật, 10 năm đối với bí mật Nhà nước độ Mật [3].

*Gia hạn thời gian bảo vệ bí mật Nhà nước, điều chỉnh độ mật:* Theo Khoản 1, 2, Điều 20 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước, thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước được gia hạn nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước. Mỗi lần gia hạn không quá 30 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật; 20 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tối mật; 10 năm đối với bí mật Nhà nước độ Mật [4]. Đồng thời, Khoản 1 Điều 21 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước quy định: Điều chỉnh độ mật là việc tăng độ mật, giảm độ mật đã được xác định của bí mật Nhà nước [3].

*Các trường hợp tự động giải mật:* Theo Khoản 3 Điều 22 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước các trường hợp tự giải mật bao gồm: Hết thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước và thời gian gia hạn; không còn thuộc danh mục bí mật Nhà nước [4].

*Thẩm quyền, quy trình, thủ tục giải mật tài liệu đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp tác quốc tế:* Theo Khoản 4 Điều 22 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước, thẩm quyền, quy trình, thủ tục giải mật tài liệu được thực hiện như sau: 1) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước thành lập Hội đồng giải mật; 2) Hội đồng giải mật bao gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước làm Chủ tịch Hội đồng và đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan; 3) Hội đồng giải mật có trách nhiệm xem xét việc giải mật,

báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước quyết định; 4) bí mật Nhà nước sau khi giải mật phải đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc giải mật; trường hợp giải mật một phần thì quyết định giải mật phải thể hiện đầy đủ nội dung thông tin giải mật; 5) Hồ sơ giải mật phải được lưu trữ bao gồm quyết định thành lập Hội đồng giải mật; bí mật Nhà nước đề nghị giải mật; biên bản họp Hội đồng giải mật; quyết định giải mật và tài liệu khác có liên quan [3].

Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước do Lưu trữ lịch sử lưu trữ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Như vậy, Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước đã quy định cụ thể việc giải mật bí mật Nhà nước, gồm khái niệm, các trường hợp giải mật, thẩm quyền giải mật, trình tự, thủ tục giải mật và việc lưu trữ hồ sơ giải mật, tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức áp dụng thực hiện trong hoạt động bảo vệ bí mật Nhà nước.

### 2.2.2. Quy định về giải mật tài liệu lưu trữ

*Thẩm quyền giải mật tài liệu lưu trữ:* Thẩm quyền giải mật tài liệu lưu trữ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP, cụ thể: Đối với tài liệu chuyên ngành, chỉ giao nộp vào Lưu trữ lịch sử những tài liệu đã đến hạn nộp lưu (30 năm kể từ ngày công việc kết thúc), không giao nộp tài liệu lưu trữ chưa được giải mật hoặc tài liệu lưu trữ cần thiết cho hoạt động nghiệp vụ hàng ngày [1]. Như vậy, thẩm quyền giải mật tài liệu lưu trữ chuyên ngành là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức là nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử.

Đối với tài liệu hình thành phổ biến trong quản lý hành chính Nhà nước, Khoản 1 Điều 22 Luật Lưu trữ quy định: “Cơ quan, tổ chức thuộc Danh mục cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu có trách nhiệm lập Danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật” [2]. Như vậy, thẩm quyền giải mật tài liệu lưu trữ là của Lưu trữ lịch sử. Bên cạnh đó Khoản 5 Điều

22 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước quy định “Đối với bí mật Nhà nước do Lưu trữ lịch sử lưu trữ, nếu không xác định được cơ quan xác định bí mật Nhà nước thì Lưu trữ lịch sử quyết định việc giải mật theo quy định của pháp luật về lưu trữ”. Theo đó, trường hợp không xác định được cơ quan xác định bí mật Nhà nước (có thể do cơ quan xác định bí mật Nhà nước đã sáp nhập vào cơ quan khác hoặc bị giải thể) thì cơ quan Lưu trữ lịch sử có thẩm quyền quyết định giải mật theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Thời hạn cho sử dụng rộng rãi tài liệu lưu trữ: Khoản 4, 5 Điều 30 Luật Lưu trữ quy định: “4. Tài liệu lưu trữ thuộc danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật được sử dụng rộng rãi trong các trường hợp sau đây: 1) Được giải mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước; 2) Sau 40 năm, kể từ năm công việc kết thúc đối với tài liệu có đóng dấu mật nhưng chưa được giải mật; 3) Sau 60 năm, kể từ năm công việc kết thúc đối với tài liệu có đóng dấu tối mật, tuyệt mật nhưng chưa được giải mật. 5. Tài liệu liên quan đến cá nhân được sử dụng rộng rãi sau 40 năm, kể từ năm cá nhân qua đời, trừ một số trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ” [2].

Theo các quy định nêu trên, còn có nội dung chưa thống nhất, đồng bộ giữa quy định của Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước và Luật Lưu trữ về thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước, gia hạn bảo vệ bí mật Nhà nước với việc sử dụng rộng rãi tài liệu lưu trữ có đóng dấu chỉ độ mật. Theo đó, Luật Lưu trữ quy định tài liệu lưu trữ được sử dụng rộng rãi sau 40 năm đối với bí mật Nhà nước độ “Mật”, sau 60 năm đối với bí mật Nhà nước độ “Tối mật”, “Tuyệt mật”. Quy định này chưa thống nhất với quy định về gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước trong Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước. Theo quy định của Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước, thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước được gia hạn nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc và không

giới hạn số lần gia hạn mà chỉ giới hạn thời hạn mỗi lần gia hạn không vượt quá thời hạn bảo vệ. Như vậy, sẽ có những tài liệu bí mật Nhà nước được gia hạn nhiều lần và được bảo vệ dài hơn 40 năm, 60 năm.

Khoản 6 Điều 30 Luật Lưu trữ, quy định tài liệu đến thời hạn sử dụng rộng rãi có thể chưa được sử dụng rộng rãi theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, nhưng chưa quy định điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định chưa cho sử dụng rộng rãi và thời hạn của việc kéo dài thời gian bảo vệ. Quy định này sẽ gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và dễ dẫn đến việc quyết định tùy tiện của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Luật Lưu trữ sử dụng cụm từ “sau 40 năm”, “sau 60 năm” cũng chưa rõ ràng, có thể bị lạm dụng để hạn chế việc sử dụng rộng rãi tài liệu lưu trữ.

### 2.3. Một số kiến nghị, đề xuất

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa quy định của Pháp luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước và Pháp luật Lưu trữ về giải mật và giải mật tài liệu lưu trữ; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác giải mật tài liệu lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức, chúng tôi đề xuất một số vấn đề cần sửa đổi, bổ sung liên quan đến giải mật tài liệu lưu trữ như sau:

*Thứ nhất*, nghiên cứu sử dụng thuật ngữ “giải mật” thay cho thuật ngữ “sử dụng rộng rãi” trong Luật Lưu trữ để thống nhất với Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước và thực tiễn hoạt động bảo vệ bí mật Nhà nước.

*Thứ hai*, bổ sung thẩm quyền giải mật tài liệu lưu trữ phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước, cụ thể: 1) Thẩm quyền giải mật tài liệu tại Lưu trữ cơ quan: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước thành lập Hội đồng giải mật. Hội đồng giải mật có trách nhiệm xem xét việc giải mật, báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật Nhà nước quyết định; 2) Thẩm quyền giải mật tài liệu tại Lưu trữ lịch sử: Người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ

quản lý Nhà nước về lưu trữ các cấp quyết định việc giải mật tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử cùng cấp.

*Thứ ba*, bổ quy định về thời hạn bảo vệ bí mật Nhà nước được lưu giữ tại Lưu trữ lịch sử (40 năm đối với bí mật Nhà nước độ Mật; 60 năm đối với bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật) và thống nhất áp dụng quy định về thời hạn bảo vệ, gia hạn thời hạn bảo vệ và giải mật bí mật Nhà nước quy định tại Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước. Theo đó, chỉ cần quy định trường hợp tài liệu lưu trữ có đóng dấu chỉ mức độ mật được sử dụng rộng rãi hoặc công khai khi đã được giải mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

*Thứ tư*, bổ sung quy định xác định giá trị tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật. Việc xác định giá trị tài liệu đối với tài liệu lưu trữ có đóng dấu chỉ các mức độ mật cũng là vấn đề đang được đặt ra hiện nay. Trên thực tế, các cơ quan, tổ chức lúng túng khi xử lý tài liệu mật đã hết thời hạn bảo quản nhưng chưa được giải mật. Có hai phương án được đề xuất: Một là, tiếp tục bảo quản tài liệu này cho đến khi tài liệu được giải mật; hai là, tiến hành thủ tục tiêu hủy tài liệu này (không cần giải mật) vì tài liệu này đã hết thời hạn bảo quản. Đối với các trường hợp như trên, Luật Lưu trữ sửa đổi cần quy định việc xác định giá trị tài liệu như sau: Trong quá trình xác định giá trị tài liệu, chỉ tiến hành tiêu hủy những tài liệu mật đã được đóng dấu “Giải Mật”.

*Thứ năm*, bổ sung quy định về việc giao nộp tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật vào Lưu trữ lịch sử: Luật Lưu trữ quy định các cơ quan, tổ chức khi giao, nhận tài liệu vào Lưu trữ lịch sử phải lập Danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật mà không quy định rõ có hay không việc giao nộp Danh mục và khối tài liệu có đóng dấu chỉ mức độ mật. Dẫn đến trong quá trình triển khai thực hiện có hai cách hiểu: 1) Lập Danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật và giao nộp vào Lưu trữ lịch sử; 2) Lập danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức

độ mật và giữ tài liệu tại cơ quan, tổ chức, không giao nộp vào Lưu trữ lịch sử.

Do đó, Luật Lưu trữ sửa đổi cần thống nhất với quy định tại Khoản 5 Điều 22 Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước, cần quy định rõ 2 trường hợp: Đối với các cơ quan, tổ chức đang hoạt động, không tiến hành giao nộp tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật vào Lưu trữ lịch sử (tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật được giữ lại để hàng năm các cơ quan, tổ chức chủ động rà soát và giải mật theo quy định). Đối với các cơ quan tổ chức đã giải thể, sẽ tiến hành giao nộp toàn bộ hồ sơ, tài liệu (bao gồm cả tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật) vào Lưu trữ lịch sử.

*Thứ sáu*, bổ sung quy định về thẩm thành lập và trách nhiệm của Hội đồng giải mật tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử các cấp. Người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lưu trữ thành lập Hội đồng giải mật tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử cùng cấp, bao gồm: 1) Lãnh đạo cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn thư, lưu trữ làm Chủ tịch Hội đồng; 2) lãnh đạo Lưu trữ lịch sử trực tiếp bảo quản tài liệu lưu trữ và 3) đại diện các cơ quan, tổ chức có tài liệu nộp lưu được giải mật. Hội đồng giải mật tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử các cấp có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, xem xét, đánh giá đề xuất người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn thư, lưu trữ cùng cấp quyết định việc giải mật tài liệu lưu trữ. Hội đồng giải mật làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số và giải thể sau khi tiến hành giải mật.

### 3. KẾT LUẬN

Việc giải mật tài liệu lưu trữ là vấn đề quan trọng, góp phần bảo vệ bí mật Nhà nước cũng như bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Cung cấp cho các nhà nghiên cứu nguồn tư liệu xác thực để có thể nhìn rõ hơn một thời kỳ đã qua, đánh giá đúng đắn các sự kiện và nhân vật chân xác hơn, gần thời thực tiễn khách quan hơn, định chính những sự kiện

không chính xác, thậm chí bác bỏ những chứng cứ nguy tạo và góp phần xây dựng một xã hội dân chủ và trách nhiệm. Để thực hiện được mục tiêu trên, trong dự thảo Luật Lưu trữ sửa đổi, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về giải

mật tài liệu lưu trữ là một vấn đề cấp thiết để nâng cao hiệu quả giải mật tài liệu lưu trữ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật bảo vệ bí mật Nhà nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ (2013), *Luật Lưu trữ*, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của, Hà Nội.
- [2] Quốc hội (2011), *Luật Lưu trữ*, ngày 11 tháng 11 năm 2011, Hà Nội.
- [3] Quốc hội (2018), *Luật Bảo vệ bảo vệ bí mật Nhà nước*, ngày 15 tháng 11 năm 2018, Hà Nội
- [4] Phùng Văn Tài (2017), *Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 9.
- [5] Nguyễn Anh Thư (2011), *Một số ý kiến về giải mật tài liệu lưu trữ trong các lưu trữ lịch sử*, *Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, số 03.